

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Minh Thiệp.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1992 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Bùi Thị L, sinh năm 1992.

Cùng trú tại: Ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 02 năm 2019 bà Bùi Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn V trình bày: Ông và bà Bùi Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 đến năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn

thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà L không chung thủy nên vợ chồng không còn chung sống từ năm 2017 đến nay. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Bùi Thị L. Ông và bà L có một người con chung tên Lê Bùi Gia B, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2011, con chung đang chung sống với bà L. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 11 tháng 02 năm 2019 bà Bùi Thị L trình bày: Bà và ông Lê Văn V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết vào năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông V yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Lê Văn V. Về con chung, có một người con chung tên Lê Bùi Gia B, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2011, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V, giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Bùi Thị L, yêu cầu giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Bùi Thị L là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Bùi Thị L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn V và bà Bùi Thị L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của ông V và bà L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa ông V giữ yêu cầu ly hôn với bà L vì cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và ông không còn thương yêu bà L. Tại bản tự khai ngày 11 tháng 02 năm 2019 bà L đồng ý ly hôn với ông V. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông V và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn V về việc yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị L.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông V và bà L có một người con chung tên Lê Bùi Gia B, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2011 đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 11 tháng 02 năm 2019 bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tại phiên tòa ông V đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng Xét thấy sự thỏa thuận giữa ông V và bà L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật, phù hợp với nguyện vọng của người con chung thể hiện tại bản tự khai ngày 11 tháng 02 năm 2019 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông V và bà L, giao người con chung tên Lê Bùi Gia B, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2011 cho bà Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại bản tự khai ngày 11 tháng 02 năm 2019 bà L yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông V đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa ông V và bà L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông V và bà L. Ông Lê Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[6] Về tài sản chung, nợ chung ông V, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông V phải chịu 300.000đ, ông V đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí; ông V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Văn V và bà Bùi Thị L.

- Về quyền nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Lê Văn V và bà Bùi Thị L, giao người con chung tên Lê Bùi Gia B (giới tính nam), sinh ngày 04

tháng 9 năm 2011 cho bà Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Lê Văn V và bà Bùi Thị L, ông Lê Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Bùi Gia B (giới tính nam), sinh ngày 04 tháng 9 năm 2011 mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Ông Lê Văn V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0007474 ngày 11 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, Ông Lê Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Bùi Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều